

NĂM THỨ HAI - SỐ 50 ĐUỐC-TUỆ 21 Novembre 1933

PHẬT-GIÁO HỘI

ASSOCIATION BOUDDHIQUE

CMO

ĐUỐC-TUỆ

TUẦN BÁO RA NGÀY THỨ BA

Báo quán ở chùa Quán Sứ phố Richaud, Hanoi

慧 燄 報

Chủ nhiệm
NGUYỄN-NANG-QUOC
Chánh hội trưởng
hội Phật Giáo
Quản lý
CUNG DINH-BINH

Chánh chủ bút
PHAN-TRUNG-THU
Sư cụ chùa Bằng-Số
Phó chủ bút
DUONG-VAN HIEN
Sư cụ chùa Tế-Cát



GIÁ BÁO:

CẢ NĂM: 1\$00 - NỬA NĂM: 0\$50 - MỖI SỐ: 0\$03

CUỘC CHẤM THI CÁC HỌA ĐỒ CHÙA QUẢN-SỨ

Theo như lời đã đăng báo trước, ngày thứ ba 10 Novembre 1936 vừa rồi Ban hội đồng chấm thi các bức họa đồ trùng tu chùa Quán-sứ đã họp hội đồng, do các viên chức như sau này dự chấm:

Chánh Chủ-Khảo M. VIRGITTĐ Độc Lý Hanoi,

Các ông Giám Khảo M. GODARD Chánh phòng công tác Bắc-Kỳ; M. MONDET Kiến trúc-sư phòng công tác Bắc Kỳ; M. LAGISQUET Chánh phòng công-tác thành phố Hanoi; Cụ Hiệp Nguyễn-Năng-Quốc Chánh Hội-trưởng Hội Phật-giáo Bắc-Kỳ, Cụ Lê Văn Phúc hội-viên Quản-trị hội Phật-giáo Bắc-Kỳ và Sư Cụ Trung-hậu Chánh Giám-Viện chùa Quán-Sứ.

Kết quả cuộc giám-định, vì xét trong 19 bản đồ không được bản nào hoàn toàn, nên hội-đồng quyết nghị không phát giải nhất cho ai. Duy ngoài số phần thưởng thứ tư trở xuống, hội đồng lại có cho thêm ba giải gọi là phần thưởng khuyến-khích (Prix d'encouragement) để cảm-lạ công lao các nhà họa-sĩ. Các giải thưởng từ thứ nhì trở xuống theo như thứ tự sau này :

Giải nhì : Bức họa đồ của M. Tạ-Mỹ-Duyệt và M. Phạm-Khánh-Chủ

Giải ba : Bức họa đồ của M. Hoàng Như-Tiếp

Giải tư : Bức họa đồ của M. Nguyễn-Xuân-Tùng và M. Nguyễn-Đỗ-Cung. Ba giải khuyến-khích mỗi giải ba chục (30\$00) M. M. Hoàng Hùng, Phan-Nguyễn-Mậu, Hoàng-Như-Tiếp

Các bức họa đồ kể ông được chúng cách hiện nay vẫn để tại hội-quán Hội Khai-Trị Tiến Đức. Vậy các họa sĩ nào không chúng cách thì xin đem giấy biên nhận họa đồ của hội đồng hội Phật-giáo đã giao hồi trước, đến hội Khai-Trị mà lĩnh các bức họa về.

Còn các bức nào trùng thì xin các họa sĩ đến nhà Cụ Chánh Hội Trưởng Hội Phật giáo tại ấp Thái-tà mà lĩnh giải thưởng.

Sáng từ 8 giờ đến 11 giờ-Chiều từ 4 giờ đến 6 giờ.

CHÍNH NGHĨA HAI CHỮ

TỪ-BI 慈悲

Từ-bi chính là một chủ-nghĩa căn-bản, bao-hàm rất quan-hệ rất lớn lao của đạo Phật. Trong kinh sách Phật không chỗ nào là không nói đến hai chữ từ-bi, cho đến danh hiệu chư Phật, chư Bồ-tát cũng thường đặt bằng hai chữ từ-bi ấy.

Có thể tóm cả đạo Phật lại mà gọi là đạo từ-bi. Tu đạo Phật chính là tu cái đạo từ-bi ấy, mà làm việc Phật cũng chính là làm cái đạo từ bi ấy. Ấy thế mà của miệng người đời thường nhắc đến hai chữ từ-bi và cái nghĩa cho hai chữ ấy thì lại thấy không xứng đáng với sự tôn-quí trên kia đã nói một chút nào. Cái nghĩa từ-bi mà người ta thường nhắc để khen ai, khuyên ai, hoặc để tự an ủi cho mình thì dường như từ-bi chỉ là sự ăn ở hiền lành, không làm hại ai mà thôi. Ôi ! ăn ở hiền lành, không làm hại ai vốn là một điều đạo đức rất qui hóa, dầu từ cổ đến nay cũng không ai dám chê, nhưng ở đời, mình chịu biết bao công ơn của kẻ khác, nào tuân-lý từ-án, nào chức phận lực phượng, thế mà không làm được sự gì ích lợi cho ai nữa, thì sao đã xứng với đạo đức một cách hoàn toàn được. Từ bi mà chỉ có như thế thôi thì nghĩa từ bi ấy chẳng hẹp hòi nhỏ mọn lắm ru ! Như thế thì có gì mà phải tu khó nhọc mới làm được.

Và dù không hại ai mà lại không lợi ai, thì cái cách ăn ở hiền lành ấy chỉ là vị kỷ. Hiền lành quá rồi đến ngu si vụng về, dốt nát không biết một tí gì, chẳng làm được công cán gì, thì phỏng có gì mà đáng tôn trọng. Xem đã bao nhiêu người tu đạo Phật về cái chủ nghĩa từ-bi một cách sai lầm ấy. Coi đó thì biết cái hại không

biết đạo còn không tẻ bằng cái hại hiểu sai nghĩa đạo. Không biết đạo đó, nhưng khi biết thì làm được ngay, chứ hiểu sai nghĩa đạo thì tẻ hại về sự làm còn không biết là dường nào.

Bởi vậy xét tìm cho đến nguồn gốc từng nghĩa, giải thích lại mà biểu dương lên cho đạo được rõ ràng, chính là nghĩa vụ thứ nhất của việc chấn hưng Phật giáo ta ngày nay. Tác như nghĩa hai chữ từ bi này là một.

Đạo đức trong đạo Phật có bốn cái tám đức là từ vô lượng tâm 四無量心 (bốn cái lòng rộng rãi không chừng nêo). Bốn lòng ấy là: Từ, bi, hỷ, xả hay là đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả. Song phân tính chắt mà nói thì là bốn, mà lấy nghĩa tương-liên với nhau thì là hai, là từ-bi và hỷ-xả. Đây nói về từ-bi. Trong sách Tri-độ luận 27 giải nghĩa rằng: « Đại-Từ là làm cho hết thảy chúng sinh được vui 大慈一切眾生樂, đại-bi là làm cho hết thảy chúng sinh khỏi khổ 大悲拔一切眾生苦. » Ấy chính nghĩa hai chữ từ-bi của đạo Phật là như thế. Đã làm cho được vui sướng thì phải làm cho khỏi khổ, nhưng có khi chỉ mới cứu cho kẻ kia được khỏi khổ, nhưng kẻ ấy vẫn chưa được sung sướng, thì lại phải làm cho hẳn được sung sướng nữa mới đủ. Tức như cấp cứu được cho một người nghèo khỏi cái khổ sở đói rét hiện tiền rồi đó, nhưng lại phải ban cho kẻ ấy được hưởng cái sung sướng no ấm lâu dài. Kẻ ấy tuy khỏi cái khổ sở đói rét lâu dài rồi tức là sung sướng về thể xác rồi, nhưng vẫn còn cái khổ sở về ngu dốt thì tâm thần cũng lại vẫn chưa được sung sướng. Bấy giờ lại phải lo làm cho kẻ ấy được rõ học hành mà mở mang trí tuệ cho khỏi cái khổ sở về ngu dốt, thì mới thực là sung sướng. Như thế là từ với bi là hai nghĩa mà là một mạch liền nhau vậy.

Như vậy thì nghĩa từ-bi rộng lớn biết bao, việc từ bi quan trọng dường nào. Như vậy mới phải học

mới biết được, phải tu mới làm được, chứ có phải; chỉ bo-bo biết một thân mình ăn ở hiền lành, không làm hại ai như người đời đã tưởng một cách hẹp hòi dong-dị ấy là từ-bi đâu.

Từ-bi đã là làm cho chúng sinh khỏi mọi cái khổ sở, được mọi cái sung sướng, thì làm cho được một điều công đức lớn lao đó, tất phải, một là thực hành phép đại nguyện của chư Phật, hai là thực hành phép bố-thi của Bồ tát.

Đại-nguyện của chư Phật tức là 12 đại-nguyện ở kinh Dược-sur và 48 nguyện ở kinh Di-dà. 12 đại-nguyện ở kinh Dược-sur là cứu hết mọi cái khổ sở và ban cho mọi cái sung sướng về tâm thần cùng thể xác của hết thảy chúng sinh ở đời hiện tại này. 48 đại nguyện ở kinh Di-dà là hẹn ước cho hết thảy chúng sinh một cái cõi rất yên vui sạch sẽ lâu dài trên tinh thần về sau.

Song đại-nguyện là việc công đức lớn của cả đoàn-thề hay là của nơi có chủ quyền trong đoàn thể mới làm được, tức là phải cả một xã-hội, hay là cả một quốc-gia, hay là cả một thế giới mới làm được. Ấy cực lực thế giới của đạo Phật là ở đó, mà thái hòa vũ trụ của đạo Khổng là ở đó.

Còn phép bố thi của Bồ tát là công đức của kẻ cá nhân đối với nhau, một người nào cũng có thể làm được. Tài thi là ban cho kẻ nghèo khỏi cái khổ sở đói rét túng thiếu. Vô úy thi là cứu cho kẻ bị nguy cấp khỏi cái khổ sở ách nạn. Pháp thi là ban cho kẻ ngu dốt được hưởng cái sung sướng thông sáng.

Tuy thế nhưng cực lực của Phật, thái hòa của Khổng, hay là đại đồng của đời nay, thời chưa dễ một loạt mà tới nói cả được. Còn phải chờ giáo hóa thấm sâu, dân trí mở khắp, đại nguyện còn phải do từng phương diện mà tiến hành, quả lớn đầy thì chín, bấy giờ mới không khó nhọc lắm mà được thành công. Vậy trung gian tất

phải cần đến công đức bố thí của Bồ tát để bồ trợ và cứu lấy cái cấp bách hiện tiền. Nghĩa từ bi thực hành có tầng thứ là thế, sở dĩ trong đạo Phật gọi từ bi là vô lượng tâm và lấy làm tôn quý là thế.

D. N. T.

BẮC - KỲ PHẬT - GIÁO HỘI

TRƯỜNG TRÌNH PHẬT - HỌC

Lớp tiểu học bốn năm

NĂM THỨ NHẤT

1. Luật Sa-di thượng hạ.
2. Phật tử tam kinh.
3. Phật học khóa bản tam tự kinh.
4. Quốc-ngữ phổ thông.
5. Toán pháp.

NĂM THỨ HAI

1. Địa-tạng kinh.
2. Thủy xá m văn.
3. Báo ân kinh.
4. Thích-giáo tam tự kinh.
5. Hộ pháp lục.
6. Quốc-ngữ phổ thông.
7. Toán pháp.

NĂM THỨ BA

1. Hiền ngu kinh.
2. Di đà sơ sao.
3. Mục-liên kinh.
4. Cảnh sách lục.
5. Tịnh độ hoặc văn lục.
6. Trúc song lục.
7. Quốc-ngữ phổ thông.
8. Toán pháp.

NĂM THỨ TƯ

1. Di-đà đại bản kinh.
2. Lương hoàng xá m văn.
3. Trường a-hàm-kinh.
4. Báo huấn lục.
5. Quốc-ngữ phổ thông.
6. Toán pháp.

Lớp trung học ba năm

NĂM THỨ NHẤT

- | | |
|----------------------|------------------------|
| 1. Pháp-hoa-kinh. | 2. Tâm kinh từ giải. |
| 3. Trung-a-hàm kinh. | 4. Luật-tứ-phận. |
| 5. Lục-truy-môn. | 6. Luận-khóa-hư. |
| 7. Luận-hiền-thức. | 8. Quốc-ngữ phổ-thông. |
| 9. Toán-phép. | 10. Nho Mạnh-tử. |

NĂM THỨ HAI

- | | |
|----------------------------|------------------------|
| 1. Lăng nhĩ-kiêm-bạch-văn. | 2. Lăng-giá-ký. |
| 3. Pháp-hoa tri-âm. | 4. Thập-lục-quán kinh. |
| 5. Luật-tri-nam | 6. Lục-quy-nguyên. |
| 7. Luận-trang-nghiêm. | 8. Quốc-ngữ phổ-thông. |
| 9. Toán-phép. | 10. Nho Luận-ngũ. |

NĂM THỨ BA

- | | |
|------------------------|--------------------------|
| 1. Duy ma-cật kinh. | 2. Thủ-làng nghiêm kinh. |
| 3. Luật Trùng-trị. | 4. Lục trung-phong. |
| 5. Lục lục-đạo. | 6. Lục phụ giáo biến. |
| 7. Quốc-ngữ phổ thông. | 8. Toán-phép. |
| 9. Việt-sử trung học. | 10. Đại-học. |
| 11. Trung dụng. | |

Lớp đại-học ba năm

NĂM THỨ NHẤT

- | | |
|-------------------------|--------------------------|
| 1. Bát nhĩ phóng quang. | 2. Pháp-hoa huyền nghĩa. |
| 3. Di-đà viên thông. | 4. Luật huyền ty |

5. Lục pháp nguyên châu lâm. 6. Lục thư nguyên tập an.
 7. Trúc lâm tam tổ. 8. Quốc-ngữ diễn văn.
 9. Đông tây triết học. 10. Nho kinh thi.
 11. Kinh lễ.

NĂM THỨ HAI

1. Niết bàn chính văn. 2. Pháp hoa Ôn lũng.
 3. Phạm võng lược sơ luật. 4. Đại thừa khởi tín luận.
 5. Đại tri độ luận. 6. Vạn thiện đồng quy lục.
 7. Nhũn quả. 8. Quốc-ngữ diễn văn.
 9. Đông tây triết học. 10. Nho kinh dịch.
 11. Kinh lễ.

NĂM THỨ BA

1. Viên giác kinh. 2. Đại thừa bảo tích kinh.
 3. Phạm-võng lược trú luật. 4. Phạm-võng nghĩa sơ.
 5. Tôn kinh lục. 6. Vạn thiện quy tâm.
 7. Đại-thừa trang-nghiêm luận. 8. Quốc-ngữ diễn văn.
 9. Đông tây triết học. 10. Bắc sử quan hành.

Lớp bác học Cao-đẳng năm năm

1. Hoa-nghiêm sơ. 2. Niết-bàn sơ.
 3. Lăng-nghiêm tổng thông. 4. Phật-tổ thống ký.
 5. Phiên-dịch âm nghĩa. 6. Duy thức thuật ký.
 7. Nhân-mệnh đại sơ. 8. Bát nhã.
 9. Tam luận sơ. 10. Đại thừa nhất thiết luận.
 11. Đại thừa chỉ quan luận.
 12. Đại thừa chỉ quan thiên thai.
 13. Duy tôn luận sơ. 14. Chỉ nguyệt lục.
 15. Thành duy thức luận.

- 16 Đại thừa tạng nghiêm mật kinh.
 17 Tu lập chỉ quan tọa thuyền pháp yếu.
 18 Kim cương lực sở. 19 Duy thức luận.

Điều lệ vào học nhà trường

1. NIÊN HẠN

Tiểu học nhón nhất từ 13 đến 20 tuổi, lấy cả tiểu hình đồng, nhưng phải thuộc các khóa tụng thông thường và vẫn xin nguyên mớ được vào lớp tiểu học

Trung học từ 20 tuổi đến 30

Đại học không hạn định.

Những lớp Trung-học đại học tự tòa đốc-học có thể châm chước cho vào học được.

2. — CHỨNG NHẬN

Các chi hội địa-phương công cử học sinh vào trường Trung-Uơng thời xét tình-hạnh tri thức thế nào, học được lớp nào thời xin vào lớp ấy, nhưng phải có chữ của một vị đạo-sư, một vị đại-biêu tăng kỳ lên nhận thực mới được.

3. -- HỌC RIÊNG

Các chùa cử đệ-tử đi học riêng nghĩa là không thuộc số học-sinh công cử hoặc tiểu, hoặc sư-bác, hoặc sư ông cũng phải có chữ ký của thầy nhận thực mới được.

4 -- GIẤY CHỨNG NHẬN

Năm. tháng ngày.

Kính trình tòa đốc-học Phật-Học Bắc-kỳ.

Tên tôi là. tuổi. sinh ở. làng. tổng. huyện. tỉnh. xuất gia thụ nghiệp tên thầy là. . . .

ở chùa Làng . . . tổng . . . phủ . . . huyện . .
tỉnh . . .

Xin tuân theo chương trình Phật học vào lớp.
Vậy xin tòa Đốc học từ bi hoan-hỉ cho tôi được vào học,
thời tôi được móng ơn lắm lắm.

Nay kính trình

Học sinh tên là ký

Tên thầy ký

Tên đạo-sư là ký

Tên Đại-biêu ký

KHOẢN LƯƠNG HỌC PHÍ

1.) Tiền lương trợ cấp cho học sinh do trích ở số tiền các
chùa từ cấp cho và của Thập phương giáo hữu từ cấp vào
trường.

2.) Vị học sinh nào muốn tư lương học mỗi tháng lớp
tiền học (\$100) một đồng. Đại học Trung học (\$200) hai
đồng.

KHOẢN TÀI CHÍNH TRONG PHẬT HỌC

Thập phương thiện-tín vị nào phát bồ-đề tâm vào ban
này. Xin mỗi tháng cấp cho (\$20) hai hào để cúng giăng
chư tăng học

HẠN CẤP

Cấp đủ 15 năm được hưởng quyền lợi sau này :

1.) Lúc bất hạnh yếu đau mà có lời đến thỉnh chư tăng đến
tụng kinh, tòa đốc học sẽ cử một vị tăng đi tụng cho.

2.) Lúc về châu Phật, tối hôm mới từ trần tòa đốc học
cử bảy vị tăng lại nhà tụng kinh cầu nguyện, nếu ở nhà
không tiền thì tụng ngay ở chùa trường học.

3.) Tuần từ cửu chư tăng tụng tụng cho một bộ kinh Pháp-
hoa, buổi tối cả chư tăng trong trường lên khóa đại lễ, có
sớ cầu nguyện, có bài diễm vọng đọc trước ban vong.
Nếu ai cấp chưa đủ 5 năm đã tịch xin cúng một số

tiền thiếu cho nhà trường, thì nhà trường mới làm đủ lễ, nếu không đủ thì chỉ ủy một vị lạy làm lễ cho tuần tứ cửa thôi.

ĐẠI THÍ CHỦ

Vị nào phát đại - bử - dề tằm cho nhà trường, trước ngay một lúc là (300\$00) ba trăm đồng bạc, hay là đóng mỗi tháng (3\$00) ba đồng, đóng đủ mười năm thì quyền lợi đã hưởng như trên rồi, chứ lạy trong trường lại tung chuy tiền thêm một bộ kinh đại Thừa Hoa-nghiêm nữa.

XUẤT GIA TÀI PHÍ

Các cụ thọ và lạy ni lớn chúng mà tư cấp cho nhà trường mỗi năm (3\$00) ba đồng bạc, đóng đủ 12 năm, lúc quá cố đi thì các tuần tiết cầu nguyện lễ bái cũng như khoản thứ nhất ở trên.

XUẤT GIA ĐẠI THÍ

Cụ nào tư cấp cho nhà trường đáng (300\$00) ba trăm đồng bạc trở lên thì nhà trường lưu trữ lại (30\$00) ba mươi đồng để phòng khi ứng dụng vào các việc của cụ ấy viên tịch, còn các việc tuần tiết lễ bái cầu nguyện cũng như điều lệ khoản đại thí chủ ở trên, nhưng lại được hưởng một cách đặc biệt, là hôm viên tịch đi thì mười vị lạy về tại chùa làm lễ lộng chung, bất cứ xa gần cũng vậy, đến tuần tứ cửa hết cả trường chư lạy đến tại chùa vị giác linh khai giảng một bộ kinh địa-tạng, tiền phí lộ do trích ở số tiền lưu trữ ba chục đồng trước. Nếu vạn nhất mà cụ nào không có chùa thì khai giảng ngay ở trường đại học chư lạy.

VIỆC MỞ TÙNG LÂM

Nếu sau này trong ban đồng hội viên và tiền tư cấp cho trường học còn thừa nhiều sẽ lậ ruộng đất để làm tùng - lâm đủ như phép của Phật tổ khi xưa để tư cấp cho những vị vô trụ lão lạy và các việc từ-thiện v.v...

Vị nào phát tâm làm việc giúp cho trường vĩnh-viễn và cố-động được một trăm vị vào ban bảo trợ hay hoặc ba vị xuất-gia giúp (300\$00) ba trăm đồng bạc, cũng được hưởng quyền lợi như vị cúng (300\$00) ba trăm đồng.

Ban tài chính thuyền học và ban chức sự nhà trường, hết một tháng sẽ kết toán xem có bao nhiêu vị tư cấp cho công trường, thì phải biên thượng danh hạ tiền đưa sang tòa soạn, để đăng phượng danh các ngài vào báo Đuốc-Tuổi, và số tiền chi dùng công trường cũng vậy.

Nghị tắc Công-trường tụng niệm nhật định

—> Quyển 1 <—

- 1) Mỗi ngày hai khóa niệm Phật công cả đại chúng.
- 2) Mỗi ngày hai khóa lễ tụng luân thứ từ trên đến dưới mỗi ngày một vị.
- 3) Mỗi tháng sáu ngày trai khóa, tất cả đại chúng lên lễ khóa tụng thông thường.
- 4) Mỗi tháng hai ngày sóc-vọng buổi sáng cả đại chúng làm lễ tụng giới. Buổi tối lên khóa tụng thông thường thêm lễ xá m huân tu.

CHỨC SỰ CÔNG TRƯỜNG

Vị giám trường kiêm cả chức giáo thụ hằng ngày đón đốc học sinh, và những khi tòa đốc học đi vắng, thay vào giáo thụ cho học sinh. Lại kiểm soát các học sinh người nào phạm những tội sát, đạo, dâm, vọng và đấu tranh, làm cho loạn chúng phá hòa hợp tăng, vị giám trường tức làm giấy trình tòa đốc học, rồi tập tăng xức đoan cho người ấy biết tội, mà đuổi đi.

Ngoài các tội nặng ấy ra, người nào bốn lần xám hỏi cùng một tội cũng phải đuổi ra.

VỊ TRỰC NGUYỆT

Chủ trương các việc chi dùng ăn uống trong công trường, phải giữ một quyển sổ biên tên học sinh, một

+ Cuộc đời tựa đám mây đưa.

Thân nhân mới biết khi xưa chót lăm.

Cụ dề núi mà không quên tháp, cụ đã tỉnh mà vẫn hồi
sự lăm, đủ rõ là đối với Phật-giáo, trước kia cụ công
kích bao nhiêu, thời nay cụ sùng tín bấy nhiêu. Cụ Trương-
hán-Siêu thực chẳng khác ông Hàn - Dũ đời Đường, ông
Trương-thương-Anh đời Tống vậy.

Thực thế, ông Hàn - Dũ, một nhà đại - nhọ đời nhà
Đường, làm quan đến chức Giám-ngự đại - phu, vua nhà
Đường sùng Phật, rước Phật cốt về thờ, ông dâng biểu
công kích rất kịch-liệt, cho Phật là Di-dịch, sống vị tất
đã bỏ-ích, nữa là nếm xương khô. Nhưng sau ông bị vua
Đường biếm ra Trào-châu, gặp nhà sư Thái-Điền giảng
cho nghe những Phật lý thuyết cơ, thời ông tỉnh ngộ ngay,
ông đem lòng mộ Phật một cách rất chân thành, ông say
đắm mùi thuyền, đến nỗi không rời nhà sư Thái-Điền ra
nửa bước.

Ông Trương thương Anh đồ trạng-nguyên, làm đến Tể
tướng đời nhà Tống, một hôm vào chùa, thấy Phật tượng
trang nghiêm, kính sách tề chỉnh, ông phát phần nói : Lễ
nào đạo Khổng, Mạnh của ta lại không bằng đạo Phật.
Đêm ấy ông vẽ đốt đèn cầm bút, một mình lưỡng lự canh
trày. Phu nhân hỏi :

— Đêm đã khuya, tướng công làm gì không đi nghỉ.

Ông trả lời là còn mãi viết về bài « Vô Phật Luận »,
nghĩa là bài bàn về sự không có Phật. Phu nhân nói : « Phật
đã không có, thời tướng công luận làm chi ! Sau ông lại
qua chơi một cảnh chùa, thấy có bộ kinh « Tịnh tâm »
liền mượn về xem, càng xem càng thấy Phật-giáo tinh vi
mầu nhiệm, bất giác đem lòng kính phục, ham đọc đến
nổi đầu đêm suốt sáng. Phu-nhân vốn người mộ Phật,
thấy ông đổi ý kiến thời hỏi rồn : — Tướng - công định
xem quyển kinh ấy, để viết bài « Vô - Phật - Luận » phải
không ? — Ông cười nói : Bây giờ tôi không viết « Vô-Phật-

Luân » nữa đâu, ý tôi muốn viết bài « Hữu-Phật » Thế rồi từ đấy, mỗi khi việc quan thư hạ, ông lại qua chùa mượn kinh về đọc, ông đọc đến hết 1700 quyển, sau trở nên một nhà Phật học đại tinh-thông.

Ấy đấy, ông Hàn-Dũ, ông Trương-thương-Anh bên Tàu, cùng với cụ Trương-hán-Siêu của ta đều là bậc đại-nho, khi trước đều theo chủ-nghĩa bài Phật, mà kết cục đều tin Phật, mộ Phật, tin mộ bằng một cách tâm duyệt thành phục, chứ chẳng phải như phần đông nhân-chúng, chỉ có tiếng là tin-đồ nhà Phật, chỉ biết nhân là con cái nhà Phật, mà hỏi đến Phật giáo thế nào đáng tin, thời không có thể cắt nghĩa được. Ấy là không kể đến những hạng người « Khẩu Phật tâm sà »

Nhân tiện tôi cũng xin phép nói qua, vì lẽ gì mà những nhà Nho cứ hay bài đạo Phật ?

✓ Theo trong Hộ-Pháp luận, thời Nho ngôn Tinh mà Phật Phật kiến tinh, Nho phân biệt mà Phật bình đẳng, Nho huyền-náo mà Phật nhân tín, Nho hữu vi mà Phật vô vi, Nho tranh quyền mà Phật tùy duyên... Bởi Nho với Phật có những phương diện khác nhau như thế, lẽ tất nhiên là thường hay xung-đột mà hề xung-đột thời bao giờ bên Động cũng đứng vai công-kích, còn bên Tĩnh sẽ phải chịu công kích, bởi vậy nên ta chỉ thấy Nho công - kích Phật, chứ chưa hề thấy Phật công kích Nho. Nhưng đó chỉ là những ông hậu Nho, chứ chính đức Thánh Khổng là tổ Nho-giáo thời không. Chả có thể mà ngài đã nói rằng :- « Ta nghe bên phương Tây có bậc Đại-thánh-nhân, chẳng trị mà chẳng loạn, chẳng nói mà tự tin, chẳng hóa mà tự hành, bao la man mác, không biết thế nào mà mệnh danh ». - Vậy thời ngài vẫn sẵn lòng kính phục đức Phật-tổ Tây phương, chỉ những đồ-đệ ngài, mà là những đồ - đệ chưa hiểu thấu nghĩa Tam-giáo mới bài Phật mà thôi, mà những người ấy đến khi đã biết diện pháp của Phật, thời lại càng say vì đạo Phật.

quyền sở biên tiền thập phương công đức, một quyền sở nhận tiền của ban tài chính đưa cho, một quyền sở chỉ liệu hàng ngày, một quyền sở biên các đồ vật sắm ở nhà trường.

VỊ CHÁNH THƯ KÝ

Cũng có các quyền sở như vị Trực nguyệt.

VỊ PHÓ THƯ KÝ

Giúp các việc biên sổ sách giấy mực với vị Trực nguyệt

VỊ CHÁNH TRI KHÁCH

Cung tiếp thập phương lãg ni tôn chúng.

VỊ PHÓ TRI KHÁCH

Cung tiếp thập phương quý khách.

VỊ CHI TẠNG

Quản thủ kinh sách công trường.

HAI VỊ GIÁM SINH

Giúp việc vị giám trường về chức vụ kiểm soát học chúng. Nếu biết ai có lỗi mà không bạch vị giám trường tức cũng tội.

Thì giờ học hàng ngày

KHÓA SÁNG

Bốn giờ học ôn, Năm giờ rước niệm Phật
Sáu giờ ăn cơm, Bảy giờ rước học chính khóa
Mười giờ rước tề tập cả giảng ôn bài hôm trước
trong ban chuyên nhau làm chủ giảng.
Mười hai giờ thụ trai ngộ.

KHÓA CHIỀU

Một giờ trì tĩnh, Hai giờ khai tĩnh.
Hai giờ rước học nho tập làm bài tập tĩnh.
Năm giờ nghỉ, Sáu giờ niệm Phật.
Bảy giờ vào học, Mười giờ nghỉ.

QUY GIỚI TIỂU TIẾT CÔNG TRƯỜNG

- 1.) Ai học ở lớp nào phải theo chương trình quy tắc trong lớp.
- 2.) Ngày 14, 15, 30, mồng một, bốn ngày nghỉ học.
- 3.) Các ngày đại lễ cũng nghỉ.
- 4.) Ngày chủ nhật buổi chiều cả đại chúng lễ tập nghe giảng đồng tẩy trừết học.
- 5.) Mỗi tháng trong ban đại học cử hai vị làm bài về Phật pháp và thế-gian pháp, trình lên tòa đốc học kiểm duyệt, lại đệ lên tòa khảo cứu tăng, ở tòa soạn Trung-ương phủ chính, trước năm ngày.
- Đến ngày mồng một vị nào làm bài thời ra Trung-ương điếu. Bài ấy sẽ đăng lên báo Đuốc-Tuệ.
- 6.) Trong khi cùng ngồi học, đều phải giữ trật tự cho an tĩnh.
- 7.) Ngoài khóa học ra cũng phải giữ nghi-liết, lễ-hạnh cho có trật tự.
- 8.) Những khi đương học mà có quan khách đến trường, đều phải đứng dậy niệm Phật chào rồi sẽ ngồi.
- 9.) Trong trường đề một tòa lưu không phòng khi có quan khách giáo-hữu đến nghe Pháp.
- 10.) Học-sinh có việc, vì tam bảo sư-trưởng, phụ-mẫu, phải có giấy ở nhà đến xin phép tòa đốc học mới được về.
- 11.) Học-sinh có việc thiết yếu đi đầu độ một hai tiếng đồng hồ, phải xin phép vị giám trường. Xin vị giám trường thỉnh một vị nữa đi thay, chứ không được đi đầu một mình.
- 12.) Những khi có thân bằng đến chơi, phải bạch vị tri khách biết, mời được cùng tiếp lau, nhưng không được tiếp ở nơi trường học.
- 13.) Kinh sách cùng đồ dùng riêng phải đánh dấu biệt hiệu.
- 14.) Đệ niên cứ đến mồng 2 tháng hai là làm lễ khai trường, học sinh gần xa đều phải tề tập.

15.) Mỗi năm chia làm 4 khóa .

Khóa xuân mồng hai tháng hai khai trường, mồng năm tháng tư nghỉ.

KHÓA HẠ

Mười sáu háng tư khai trường, mười sáu tháng bảy nghỉ.

KHÓA THU VÀ ĐÔNG

Mồng một tháng tám khai trường, rằm tháng chạp nghỉ, Nhưng chỉ có tháng tết các học sinh được nghỉ về các chùa :

Vị nào muốn nghỉ tết ở trường cũng được. Còn cái khóa tuy nghỉ nhưng các học-sinh công trường vẫn phải ở trong trường mà tĩnh dưỡng ôn-luyện, chứ không được đi đâu, nếu muốn đi phải xin phép mới được, còn các vị thầy cử đi học, hay có chùa riêng, thì các tuần nghỉ được đi về các nơi, cho đến mùa hạ, cũng không được đi hạ nơi chùa khác, các việc lễ bái học tập ăn uống, cũng như các khóa thường.

16.) Các vị tha tăng đến trường học hạ an cư, mọi việc cũng phải theo như quy tắc nhà trường, duy trừ những vị có việc chuyên trách ở hội-quán Trung-ương, thời việc ăn ở, việc xuất-xử, việc lễ tụng, có thể dung thứ cho tùy các vị phát-tâm.

Bắc-kỳ Phật-giáo hội Chánh-đốc-học

PHAN - TRUNG - THỨ

Phó đốc-học

DƯƠNG - THANH - HIỀN đồng kính soạn

Trung-Uơng chánh-giám viện kiêm trưởng ban Phật-học

THANH - ẤT kính hiệu



CỤ TRƯỞNG - HÁN - SIÊU VỚI PHẬT - GIÁO

Bài diễn thuyết của ông Đinh-Gia-Thuyết
diễn ở chùa Sơn-thủy (Ninh-Bình)

Thư các giáo hữu

Chi hội Phật Giáo Ninh bình chúng ta thành lập đã gần một năm nay, theo chương trình của hội, tuần rằm mùng một, bao giờ cũng có ban đạo-sư giảng kinh, ban cư sĩ diễn thuyết. Tôi cũng đã có cái vinh hạnh được bước lên đàn giảng, hầu chuyện các Giáo hữu rồi. Lần này các Giáo hữu lại quá yêu tôi hảo tôi lên hầu chuyện nữa, cái tình tình ấy, tôi rất lấy làm cảm kích Tôi thiết nghĩ: Đạo Phật là đạo rộng, cửa thiền không hẹp gì ai, nói về bên Tăng thời tu bán thế cũng như tu thanh đồng, miễn là nhất tâm trì giới là có thể tu thành chính quả. Nói về bên tại gia, thời ném bỏ con dao làm thịt trâu đi, cũng có thể tức khắc thành Phật được. Cũng vì thế mà đã bao người trước báng nhạo Phật, sau tin ngưỡng Phật, cũng được công nhận là tín đồ của Phật, lọ là cứ phải:

Kiếp tu đã nguyện Bồ-đề,

Lòng son bầy mối tóc thề mười phương.

ngay từ lúc mới ra đời.

Do cái quan niệm ấy, huồi tới hôm nay, tôi xin đem câu chuyện « Cau nhà lá vườn » cống hiến các giáo hữu, đầu đề là:

« CỤ TRƯỞNG-HÁN-SIÊU VỚI PHẬT-GIÁO »

Nói đến cụ Trương Hán Siêu, tôi không cần phải giới-thiệu, đã có núi Dục thủy, núi Hối hạc, mà cả núi Cảnh diều, là nơi chùa Sơn thủy của chúng ta tọa lạc. nhắc cho các giáo hữu biết đến cụ, nhớ đến cụ, là một bậc có văn

chương sự nghiệp ở trong tỉnh Ninh bình. Cụ chính quê ở Phúc am, một làng phụ cận ngay ở châu thành, gần cụ còn đó, mộ cụ còn kia, không phải người đầu xa lạ. Cụ đồ Thái học sinh (tức là tiến sĩ) làm đến ngôi Thái phó triều vua Trần minh Tông, cách đây đã 600 năm lễ, kẻ cái đức thông minh cương trực, cái tài kinh tế, học thực, thời các bậc văn thân đời ấy, hồ đã mấy ai.

Đạo Phật đời bấy giờ, có thể cho là một thời kỳ toàn thịnh trên lịch sử Việt nam, thịnh đến nỗi nhà vua làm Sãi, Hoàng hậu làm vãi, các bậc vương công khanh tướng làm sư, khắp nước chỗ nào cũng có tháp có chùa, hồi chuông dập mõ, tiếng kệ câu kinh, cơ hồ đã vang trời rày đất.

Cụ Trương hán Siêu nguyên là học trò đạo Khổng, nhưng khốn một nỗi cụ có tính cố chấp là tính mà đức Khuông phú-Tử rất ghét, tôi xin nói nôm là cái tính « gân » Tôi sợ gì dám bạo m.ệnh phê bình một bậc tiên-hiền, cũng là theo ý hải thơ trong Việt-sử-đồng-vinh của đức Dực-tôn (Tự-Đức), đây xin phép trích 2 câu :

Dục chương đồ lan học vị thuận,

Chấp tiên ưng quý Tổ-Vương thần.

Hai câu thơ ấy, đại ý vua Tự-Đức chê cụ Trương học chưa chín, chưa đáng là đồ-đệ đức thánh Khổng, ấy cũng bởi thế, nên cụ nhận nhầm 4 chữ « Công hồ dị đoan » của đức thánh Khổng, mà cụ cho Phật-giáo là dị-đoan, rồi cụ cứ vin mà công kích. Trong bài văn bia chùa Khai-nghiêm Bắc-giang, cụ viết rằng :

« Dựng chùa chẳng có ý gì.

« Khắc bia cũng chẳng việc chi đến mình.

« Thánh-trào đương buổi văn-minh,

« Dị - đoan chớ để dân tình mê say.

« Đạo Nghiêu Thuần phải bày cho rõ

« Học Khổng Nhan đương tỏ không mờ,

« Sá gì đạo Phật hư-vô,

« Dối ai ai đó dễ hồ dối ai ?

Đọc bài văn bia ấy, ta có thể tưởng tượng được rằng : Thiên-kiến của cụ Trương-hán-Siêu lúc bấy giờ, chỉ biết có Nghiêu, Thuấn, Khổng, Mạnh, còn Phật-giáo cụ cho là tịch-diệt, là hư vô, cũng như phần nhiều người bấy giờ, đã nhận lầm Phật-giáo chỉ là một phương-pháp dành cho những hạng chán đời, những người thất vọng. Điều đó nó đã rõ rệt ở trong những câu Cung-oán sau này :

• Nay mượn thú tiêu giao của Phật

• Mỗi thất tình quyết dứt cho xong.

• Đa mang chi nữa đeo bông,

• Vui gì thế sự mà mong nhân tình.

Hay là như câu Kiều :

« Sớm khuya lá bởi phươn mây.

• Thân này gởi với cỏ cây cũng vừa.

« Mùi thuyền đã bén muối dưa,

• Áo thuyền ăn mặc đã ưa nâu sồng.

« Việc đời đã tắt lửa lòng, . .

Nên dù cả triều nhà Trần, từ Thiên-tử đến thứ dân, đều tôn-sùng đạo Phật, mà cụ thời chẳng những không tôn-sùng Phật, lại bài bác Phật. Rồi cũng như những nhà Nho bài Phật, cụ cho đạo Phật là dẫu « hay tám vạn ngàn tư mặc kệ, không quân thần phụ tử chẳng ra người ».

Cái thiên kiến hẹp hòi ấy, cố chấp ấy, nếu nó cứ triển miên mãi trong đời cụ, ám ảnh mãi trong tâm cụ, thì dù đối với Phật-giáo, tuy chỉ là một tắc mây che mặt trời, mặt trời cũng vẫn không kém sáng, song nói của đáng, việc gì cũng thế, trong mười người mà có một người khác ý kiến, bao giờ cũng có ảnh-hưởng ít nhiều. Nên tôi dám nói rằng : Vì bấy cụ Trương-hán-Siêu cứ theo đuổi cái thuyết « Bài Phật » cho đến phút cuối cùng, thời gì chả biết, chứ ngay

núi Dục-thủy của chúng ta, hãy thiết mất một áng văn
kiệt-tác lưu truyền đến bây giờ, tức là bài ký Linh-tế-tháp
vậy.

Bài ký Linh-tế-tháp, ngày nay ta còn thấy trơ trơ nét
bút trên vách đá, ta còn thấy nhiều nhà thích chơi chữ, có
cheo những bức từ-bình bằng giấy in bài ký ấy, bài ký ấy
vẫn hay chữ tốt, chẳng phải là một tấm bia ký - niệm sau
khi cụ Trương đã biết sùng đạo Phật đấy ư!

Tôi xin trích dịch một đoạn Linh-tế-tháp-ký sau này :

« ...Mùa đông năm ấy, ta ở kinh, nhà sư Trí-Nhu đến nói
« với ta rằng. Công việc dựng lại tòa Bảo-tháp, từ năm
« Đinh-Sửu, niên hiệu Khai-hựu đến này đã 6 năm, bây
« giờ mới xong, xin ông làm cho bài ký. Công đức Phật
« tở, không có thể tư nghị, kết quả của sự báo ứng cũng
« thế, vì lúc mới sắp dựng tháp, sư cụ Đức phủ có năm
« mộng thấy hơn một nghìn người tụ họp ở chân núi, trong
« đó có 3 vị tướng mạo rất kỳ dị, bảo với mọi người rằng:
« các ngươi nên biết dựng tháp là một việc rất hay của Tăng-
« đồ nhà Phật. Đến khi khởi công, sư cụ Đức uyên lại nằm
« mộng, thấy đức Trúc Lâm Phật Huệ đứng trấn áp việc
« dựng tháp. Lúc nhà sư Đức Tĩnh Đức Minh coi thợ xây
« cửa tháp, vô tình giun đổ một tảng đá lớn, hai nhà sư cũng
« ngã theo. Mọi người đứng xem ai cũng sợ thay cho hai
« nhà sư, vì từ đỉnh núi rơi xuống đến chân, thế nào cũng
« thịt nát xương tan, ấy thế mà không hề xây sát. Khi đã
« nổi lên 4 tầng Bảo tháp, trời có hào quang suốt đêm
« sáng rực, xa gần đều trông thấy, Phàm những việc ấy,
« đều là nhờ sức thần thông của đức Phật Như Lai. Vả tôi
« nghe ngày xưa vua A Dục, dùng sức quý thần dựng 8 vạn
« 4 nghìn cây tháp người đến chiêm lễ, như trông thấy Phật
« hiện thân, những nét khắc vẽ ở tháp, đều khu trừ được
« yêu tà quỷ quái. Những việc như thế, há phải là hoang đấm,
trước sau đều phù hợp với nhau... »

Đoạn này là cụ Trương-hàn-Siêu thuật theo lời nói của
nhà sư Trí-Nhu, cụ là một nhà đại học-vấn, khởi hữu lại

không biết « những nỗi mộng ảo cứ dần », mà cũng đem thuật cả vào bài ký. Đó chẳng qua là sau khi cụ đã tỉnh ngộ, đã biết sùng Phật, không bài Phật nữa, thời lẽ tất nhiên là đã biết kính Phật, tất phải trọng Tăng. Cho nên cũng trong bài ký ấy, lại có một đoạn cụ viết rằng :

« Nhà sư Trí-Nhu là thị giả của đức Phò-Tuệ, học được pháp tùy của Trúc-Lâm tôn-tổ, tu hành đặc đạo, nên mới làm nên những công quả lớn lao...

Trong sử không chép rõ cụ Trương-hán-Siêu đổi ý kiến bài Phật ra sùng Phật từ lúc nào, nhưng cứ coi bài ký Linh-tế-tháp, khác hẳn với bài bia chùa Khai-nghiêm, và lúc cụ viết bài ký ấy về đời Thiệu phong nhà Trần, chính đương vào lúc cụ làm Nhập nội hành khiển, là chức quan Nội-các nhà Trần, thời đủ rõ sự qui hướng đạo Phật của cụ ngay khi cụ tại Triều, còn đang sốt sắng hăng-hái với tâm lòng hoài-bảo tri-quân trạch-dân, chứ không phải sau khi cụ đã về hưu, mới có cái tư-tưởng « già vui chùa » như tục ngữ đã nói.

Sau khi cụ về hưu, thời đối với Phật-giáo, cụ lại càng mộ lắm, chẳng những ở cảnh Linh-tế-tháp, Linh-quang-động chẳng có mấy ngày cụ không lui tới, mà các chùa Bản-jong, Dịch-lộng, Văn-trinh, Bích-động, hầu khắp là có dấu vết đăng lâm của cụ.

Khi cụ về ẩn cư núi Dục-thủy, cụ để một bài thơ, đây tôi xin trích lấy 4 câu :

« Trung lưu quang tháp ảnh.

« Thượng giới khả nham phi.

« Phù thể như kim biệt.

« Nhân thân ngộ tạc phi

Dịch rằng :

Long-lanh bóng tháp giữa giòng.

Cửa hang đá hé trên không bao giờ.

Cứ như Hộ-pháp-luận phân biện Nho-giáo với Phật-giáo, bằng những tính cách tương phản trên kia, thời Nho với Phật có khác nhau, song lấy toàn thể mà nói, thời Nho với Phật cũng có nhiều chỗ giống nhau. Trong bài diễn văn của cụ Trương Phau đọc tại chùa Cá đã có nói qua về cái vấn đề to tát ấy.

Vậy xin phép trở lại câu chuyện buổi tối nay :

Cụ Trương-hán-Siêu với Phật-giáo, trước hết sức công-kích, sau đem lòng tin sùng, chẳng phải là ý kiến của cụ thủy chung bất nhất, mà chính là bởi đạo lý của Phật cảm ứng linh thông, Kinh có câu rằng :

« Bất hữu đại từ-bi, bất túc vi Phật, Phật hữu đại uy-lực, diệt bất túc vi phật, vị kỳ hữu đại từ-bi, đại uy-lực, cố năng thành tế-độ chi công ».

Nghĩa là : Chẳng có tấm lòng đại từ đại bi, chẳng đủ làm Phật, chẳng có uy sức nhưn cũng chẳng đủ làm Phật, bởi vì có đại từ-bi, đại uy-lực, nên mới thành được cái công-quả tế-độ chúng-sinh

Đọc câu kinh này, nhân câu chuyện này, đủ biết cái từ tâm của Phật, cái uy-lực của Phật, chẳng những chỉ tế-độ được chúng-sinh, mà Phật còn cảm-hóa được cả mọi người, người ác có thể cảm-hóa ra thiện, người gian có thể cảm-hóa ra ngay, người hư có thể cảm-hóa ra người tốt, người dở có thể cảm-hóa ra người hay. Ác hóa thiện, gian hóa ngay, hư hóa tốt, dở hóa hay, Phật có cảm roi hay cả tiếng mà nộ nạt, mà đe dọa ai đâu, chẳng qua cũng chỉ lấy từ-bi bác-ái lâu lâu mần quăng đại, là những phương-pháp rất nhiệm-mầu mà « khải kỳ trung », nghĩa là khai tâm khai tính cho chúng-sinh đó mà thôi. Cũng bởi thế nên Cụ Trương hán-Siêu, theo sử chép, thời là một người « Cốt-ngạnh » nghĩa là cương-quyết giần-giỏi không chịu ai, mà cũng đến phải quy y hồi-hướng. Đồng thời với cụ Trương còn có một ông bạn rất mực ương-gàn, là cụ Trần-kiến. Sử chép Cụ Trần-kiến làm quan Ngự-Sử, giữ chức can

ngăn nhà vua trong khi làm điều không chính đáng, và tham bực các quan văn võ, trong khi có điều gì lầm lỗi. Cả Triều nhà Trần ai cũng sợ cụ, đã tặng cho cụ cái sước-hiệu là « Sư-kiến ». Sư đây là Sư-tử, nghĩa là bảo cụ dữ-dội như con sư-tử, chứ không phải sư cụ, sư-ông hay sư-bác, sư-chủ tâuộc về ban đạo-sư chúng ta đâu. Câu chuyện sau này, làm chứng cho cái tính rất ương gầu của cụ.

Một hôm có một nhà ở ngoài phố, đem biếu cụ một mâm cỗ, cụ hỏi có việc gì mà đem biếu. Người ấy giả nhòì nhà có đồ, vì là chỗ hàng xóm láng giềng với cụ, nên đem biếu cụ, chứ không có cầu cạnh sự gì. Bấy giờ nhân có cụ Trương đến chơi, cụ liền nhận mâm cỗ ấy mời cụ Trương uống rượu. Đến hôm sau, cái người đem biếu mâm cỗ ấy, vào xin với cụ cho đưa con trai làm môn hạ. Cụ không từ chối mà cũng không nhận hay bảo ban sao cả, chỉ thờ ngay tay vào cỗ hòng, móc cho hòn mửa, cho kỳ mửa đến mặt xanh mặt đỏ, rồi cụ mới bảo người ấy: đây, cỗ của nhà anh đem cho tôi hôm qua đây, tôi xin trả lại anh. Câu chuyện ấy, đồn đi khắp châu thành, từ vua quan cho đến dân, ai nghe cũng phải ôm bụng mà cười, ấy thế mà cụ vẫn tự cao tự đại, trừ cụ Trương ra, thời cụ chẳng hề giao du với một ai. Cụ với cụ Trương, cùng thi nhau mê bài Phật. Trong việc vua Trần-minh-Tôn trùng tu tòa chùa Quỳnh-lâm, phí tổn mất hơn 9 nghìn lượng bạc, cụ đã dâng sớ phản đối rất kịch liệt, nếu không được nhà vua đại-lượng, thời cái nạn « Sáng dâng biếu tấu sần rỗng, ban chiếu bị biếm nghìn trùng sơn khê » của ông Hàn-Dũ đời nhà Đường, cụ sẽ không tài nào tránh khỏi. Sau chẳng biết thế nào, mà cụ với cụ Trương, lại cùng nhau mộ Phật. Ta đọc câu thơ cụ tặng nhà sư Phổ-minh chùa An-lãng, đủ biết cụ mộ Phật là thế nào.

Bài thơ này có chép trong Hoàng-vị-văn-Tuyển, tôi xin trích 4 câu :

Ăn bát lâm thuyền chân đại ăn,

Tu u gia tự tức chân tu,

Thử nhứt tham thuyền như mộng giấc. ✕

Hưu tương vắng sự quái Trào châu,

Xin dịch rằng :

Ăn cơm lọ cứ lâm-tuyền,

Chùa nhà tu mới thục niềm chân-tu.

Cửa thuyền nhân buổi tham du.

Thôi đừng ngờ khách Trào-châu nữa mà.

Trào-châu tức là cụ nhắc lại việc ông Hân-dũ dâng bài Phật cốt biểu mà bị biếm, trên kia tôi đã nói,

Ấy đây, như những ông cụ ấy, mà Phật-giáo cảm hóa được, trình phục nổi, thời lọ là ta phải tán-dương, phải cổ-động. Ta chỉ nên thành tâm mộ Phật, góp sức về chấn-hưng Phật-giáo là tôn-chỉ của hội ta vậy.

Cho được kết lại câu chuyện tôi cũng hiến các ngài, tôi xin cùng li-t vị thánh-giả đồng thanh tụng tụng câu kệ này :

Nguyện dĩ thử công đức.

Phả cập ư nhứt thiết,

Ngã đẳng giữ chúng sinh.

Giai cộng thành Phật đạo,

Xin đem công đức như lai.

Tu thành đạo Phật cùng loài chúng sinh.

Nam-mô A-di-đà-phật

ĐÌNH-GIA-THUYẾT

CHUYỆN CỤ KIM - CƯƠNG BẮT ĐỘNG

Tôi từ khi quy hướng Phật-giáo đến nay, thường thấy các thích-lữ nước ta, vô luận xuất-gia và tại-gia thấy đều thông dụng một bài văn sám-hối (Huân-tu) hàng ngày tụng trì đĩnh lễ, tôi cũng bắt chước thông thường tụng trì như vậy. (Hiện tôi đã dịch ra Quốc-ngữ, đính chung với kinh

A-Di-Đà trên có phép thỉnh-chuông, trì-chú và nghi thỉnh-Phật. Dưới có nghi niệm Phật, cúng trái và thí thực đã xuất bản lần thứ nhất trong năm 1936 rồi- nhân trong bài sám-hối ấy ở đầu có mấy câu : « Quý y Kim-cương thượng-sư v. v. » tôi không hiểu vì sao mà cõ-đức soạn ra như vậy, tôi xin thú thực : miệng tôi đọc : « Quý y Kim-cương thượng sư » mà tâm chẳng biết ai là « Kim-cương, thế nào là « thượng-sư. Tôi đi hỏi các bậc cao-kiến, mỗi vị nói một khác, vẫn chưa giải được niềm nghi. Nay thấy ở truyện « Cao-tăng đời Tống », có chép tích cụ Kim-cương bất động, kể sau này, tôi mới hiểu nghĩa mấy câu vừa kể trên, và tôi chắc rằng : Các ngài Thích-tử tất cũng nhiều ngài chưa xem tích ấy, thì cũng chưa hiểu như tôi khi trước, nay đăng lên « Đuốc-tuệ » để các ngài đồng-đạo cùng biết, và khi sám-hối, miệng nói : « quý y » tức cái tâm quý y đã có nơi sở cứ, thế mới là uống nước nhớ nguồn vậy,

Nguyên lai cụ người Ấn-độ, xuất-gia từ thừa nhỏ, cần khi rất linh thông, du học khắp 5 phương Ấn-độ, dần dần hiểu mật tinh tường thấu suốt cả hai. Cụ lại tùy phương xiển hóa, sang Tây hạ rồi mới vào Tàu, chính pháp hiệu của cụ, dịch ra tiếng Tàu là chữ « 金剛不動 », Bất đầu cụ đến Tây-hạ ở chùa Hộ-quốc, phiên dịch bộ Bi-mật tuyên-đương lối Bát-nhã, ở đó hoàng pháp độ-sinh một thời kỳ. Trung-gian cụ vào Tàu, trụ-tích Biện-kinh (kinh đô nhà Tống). Cứ truyện cũ nói: Cụ chuyên tu 5 phép sám-hối, phụ diễn 3 lối đàn-nghi, rồi cụ lấy bài văn sám-hối có 35 hiệu Phật của cụ Bất-không đời Đường đã dịch trước (tức là từ Kim-cương-bất-hoại-Phật giờ xuống v.v. xuất kinh Quyết-định Ti-ni) ở trên cụ chép thêm 53 hiệu Phật nữa, (tức là từ Phổ-quang Phật giờ xuống v. v. xuất kinh Dược-vương Dược-thượng), ở dưới cụ lại nối thêm hai kệ 10 nguyện của đức Phổ-hiền, (tức là từ dưới câu « Tôi nay quy mệnh lễ » 我今皈命禮) từ đầu đến cuối cộng 108 lễ, đề cầu dứt 108 mối phiền-não, bài sám-hối

ấy lưu hành bên Tàu vẫn truyền là Kim - cương thượng-sư soạn,

Cuối cùng, cụ tượng-lịch vào ở Mông-sơn (Tứ-xuyên) cụ dịch lại bộ Du-già-thí-thực-nghi-quỹ của cụ Kim-cương-tri đã dịch trước từ đời Đường, tên là bộ Diệm-khẩn, rồi cụ lại diễn lại bộ Tiều-thí-thực dùng cam lộ pháp thực độ độ vong, đặt tên là « Mông-sơn Thí-thực nghi » (tức đàn Mông-sơn ở nước ta thường dùng có chai nước và bát cơm ấy là cam-lộ và pháp thực đó.) Thời ấy cũng có nơi sung hô cụ là Cam-lộ pháp sư, nhưng không dụng nhất mà có ý nghĩa nhiều là chính biểu « Kim-cương thượng-sư », vì cũ trong truyện cũ thì từ khi cụ mới thụ lễ quán-đỉnh, thầy cụ đã đặt cho cụ pháp-danh là « Kim-cương bất động » rồi, cụ bắt đầu hành trì cũng chuyên trì bộ Kim-cương, (tức là một bộ mật ở trong năm bộ bí mật thuộc phép du-già) sau cụ lại tuyên truyền một bộ Kim-cương ấy, nên người Tàu chuyên xưng huy hiệu là Kim-cương thượng-sư nhiều hơn.

Chiều như sự tích ở trên thì bài sám-hối Huân-Tu ấy, đích là cụ Kim-cương đời Tống tập thành, song cứ cái quả-văn thiền-kiến như tôi, so với sự hành lễ của đại đa số người đương thời, thì vẫn thấy không đồng nhất luật, nên tôi bất giác lại sinh ra 4 mối ngờ như sau này :

1. Trong văn không điểm rõ 108 lễ là lễ vào những câu nào cho đúng số ?

2. Chính một đoạn đầu bài, dưới bốn câu kệ rồi, từ câu « quy y Kim-cương thượng-sư » giờ xuống v. v. có lẽ nào cụ Kim-cương là soạn giả bài văn ấy, mà cụ lại soạn ra những câu ấy ?

3. Không biết có phải hậu-nhân đặt thêm một đoạn ấy không ?

4. Cứ theo đúng thế mà tuần mãi có nên hay không ?

Bốn câu hỏi trên, dám xin các vị đại-đức và các ngài cư-sĩ cao thâm, thể đạo, « tự giác, giác tha », đưa Đuốc-tuệ ra mà chiếu với bài văn sám hối ấy, rồi nhà ngọc phun châu đăng lên « Đuốc tuệ » trước là chỉ giáo cho kẻ thiển học này, sau là làm phép nhất định cho thập phước theo, chẳng kẻo sai đường lạc lối mãi, thật là quý hóa vô cùng.

Hoàng-Mai NGUYỄN-THƯỢNG-CẦN

Thu Cô Mai

VI

(PHẬT - HÓA TIÊU - THUYẾT, THỀ VIẾT THU)

(Tiếp theo và hết)

CHỊ BĂNG-TÂM - SAIGON

Thưa Chị,

Bèn vui về bảo Thanh : « Đó là tội của người không biết dùng chữ chứ không phải tội của chữ. Vậy tôi xin cam đoan đưa cô đi tới chỗ hay của chữ quốc-ngữ mà tránh khỏi cái giờ ấy ».

Đấy Chị coi, bọn mình phải làm thế nào cho đời biết trọng đến nữ học mà rửa những cái vết xấu của những kẻ đã bôi nhọ cho chữ quốc-ngữ cho nữ lưu ta.

Thế mà bây giờ cô Thanh lại ham học lắm, chỉ tiếc không được có thì giờ mà học, là vì cô vẫn ngày hai buổi phải đi buôn bán đôn gánh trở vai.

Cách dạy những cô gái lớn, những đàn ông lao động ở đây, cần giảng nói ví dụ ra ngoài nhiều hơn ở trong bài. Phàm những môn phổ-thông tri-thức đều giảng nói cho nghe. Bây giờ các cô hàng rau hàng sén cũng nói ra được luân lý có những gì, con cá về giống động vật gì, cây tre về giống thực vật gì. Nhân đó các cô xem vào những sách hội Phật bằng quốc-ngữ thấy càng dễ hiểu, họ lấy làm sung-sướng lắm.

Trong hội Phật xưa em đây, chúng em cho rằng đạo Phật lấy tuệ thì làm công đức to nhất, thế mà người ta không còn cái khổ gì bằng cái khổ đốt nát, đã đốt nát thì còn có trí-từ-tức đâu mà hiểu được nghĩa lý trong đạo giáo. Dù họ có tin theo, tất họ sẽ hiểu lầm rồi làm sai lạc đạo chính đi. Cái tệ mê tín làm đạo sàm-tạp cũng do ở đó. Cho nên trong chi hội Phật em đây, chúng em cho việc giáo với việc học phải đi đôi với nhau. Lúc trú lập nhà giảng-đường là trú lập nhà học đường luôn thể. Vì đạo Phật là đạo theo chân lý cứu tri tuệ, cốt giác ngộ cho chúng sinh khỏi mê muội kia mà.

Chị Bằng-lâm, câu chuyện Phật-hóa của em đến đây xin tạm ngừng bút. Tuy sơ lược có mấy bức thư, nhưng nếu Chị đề tâm xem kỹ, cũng đủ chứng minh cho chút chân thành em đối với vị giáo hóa của xã hội của nước nhà chứ gọi là công đức, thì đâu có dám. Sau này có dịp em sẽ lại viết thư bàn với Chị về câu chuyện giáo hóa trên ấy.

Thưa Chị, em gặp vận nhà sa-sút mới được biết Phật, biết Phật mới biết tự vui, biết tự vui mới biết coi cái cảnh sa-sút này là việc làm thường. Biết Phật, biết tự vui mới làm được đôi chút có ích cho kẻ khác. Nghĩ thế em thực lấy làm may, mà không cho là đủ. Song vì em gặp cảnh sa-sút nên việc làm cũng khi khó một chút, phải cùng kẻ khác gom góp vào mới nên cái công quả còn con. Còn như Chị, nếu Chị cũng mộ cái đạo cứu-thế của Phật và cũng đồng-chí với em, thì Chị làm còn dong-dị mà kết-quả to lắm nhiều. Là vì Chị đang xử vào cái cảnh thuận, gia tư có hàng ức vạn. Hai Bác tuổi cao, hiếm hoi có một Chị là lớn. Hai Bác vốn có hàng tâm, Chị lại sẵn có bụng hào-hiệp. Kìa xem trước mặt bề khổ mệnh mang, người ta đang nguy-khốn đắm chìm trong mọi cái khổ, khổ ngu dốt, khổ đói rách, khổ yếu hèn. Thế mà như Chị, trời Phật đã cho được hưởng cái thắng phúc là đã giàu có lại thông tuệ hơn người, tưởng cũng nên đề chút công ơn với đời mà bồi bổ lấy cái thắng phúc cho

mình đời này và đời sau, chứ đời người trăm năm bọt bong,
bơ thiết có mà chi. Nhưng Chị dâu có phải là hạng người
thô-thiển. Xin tóm lược tâm sự đôi ta trong vài câu kệ sau
này : Nhớ khi kẻ gởi thư-song.

Vầng giăng Nùng linh soi chung can-trường.

Phần son sá học thói thường,

Nước non hẹn ước dặm trường có nhau.

Bắc Nam bỗng cách đôi cầu,

Nhớ nhung lời ngọc, chạnh đau lòng vàng.

Ba sinh còn mỗi tơ vương.

Cửa từ-bi khéo đưa đường đôi ta.

« Nhân » này « nghĩa » ấy đâu xa,

Có công tể-độ ấy là biết tu.

Bạn, gái của Chị : MAI

(Đ. N. T.)

CẦN CẤP KÍNH KHẢI

Bản-báo Đuốc-Tuệ ra đời đến nay đã được 50
số, thấm thoát đã một chu-niên, Chư vị độc-giả có
lòng vì đạo mua cho từ hồi đầu đến giờ, ngày vẫn
lặng liến, hành được một số lớn không ngờ.
Bản-báo rất lấy làm trân-trọng cảm ơn các Ngài.
Giữ lời hứa, Bản-báo tính đến số 52 này là hết
một năm 52 tuần. Vậy Ngài nào mua cả năm
ngay từ số 1 mà đến số 52 này không gửi thư về
tòa báo xin thôi, thì bản-báo cứ gửi tiếp luôn về
năm thứ hai.

Còn số liền mua báo, nay đã chu-niên, cần việc
kết-toán sổ sách, Ngài nào đã mua hạn một năm từ
số 1, hoặc mua giữa quãng từ số 15, 20, 30 trở đi,
cũng xin gửi liền về giả ngay cho. Từ nay Ngài
nào mới mua Đuốc-Tuệ, xin gửi tiền về trước,
bản-báo mới gửi báo đi.

Nay kính khải
ĐUỐC-TUỆ

CUỘC ĐI CHỨNG-KIỆN LỄ THÀNH-LẬP CHI HỘI PHẬT-GIAO LÀNG CỒ-AM — HẢI-DƯƠNG

Sáng ngày 1 Novembre 1936, Cụ Chánh Hội - trưởng hội Phật-giáo Trung-ương Nguyễn Văn-hanh Trưởng-công, Cụ Đạo-sư, Phó Chủ-bút báo Đuốc-Tuệ, Tế-cát hòa-thuận, cùng các vị Tăng và Cư-sĩ ở Hanoi, về chùa-kiến lễ thành-lập chi-hội Phật-giáo làng Cồ-am, phủ Vĩnh-bảo, Hải-dương.

Xe về đến thành phố Hải-dương đón Cụ Đại lý chi-hội tỉnh ấy là cụ Tuần Trần-văn-Đại, đi cùng về mọi thể.

Hội-quán của chi-hội Phật-giáo Cồ-am lập tại chùa Thiệu-Hương, Đại-lý bên tăng là sư cụ Vũ-dinh-Khai, Đại-lý bên tại-gia là cụ Đào-văn-Rao, tỉnh-bình Vệ-ây.

Ban trị-sự của chi-hội Cồ-am kéo tổ-chức và sốt sắng làm việc cõ-dộng, nên tiện-tin trong hạt tới dự lễ đông lắm Lại mời được nhiều quan khách tới chứng-kiến, có quan phủ Vĩnh-bảo, quan huyện Tư-pháp và quan phủ Ninh-giang. Quan huyện Hoàn-long Hà-đông, Trần-tự là người làng cũng về đón-dón cho việc khánh-thành và đứng ra thừa tiếp các quan khách. Có cả ông Bang-trưởng Hoa-kiều Ninh-giang cũng về dự lễ.

Về bên Ưu-bá-di, có bà cụ Tuần Trần và nhiều bà trong chi-hội, phát-tâm giúp cho chi-hội mọi việc hằng làm hằng sản nên việc lễ hôm ấy vui vẻ lắm.

Cụ Chánh Hội-trưởng cử một vị Cư-sĩ Trung-ương đứng ra diễn giảng, đem cái n-hĩa bình-h đẳng của đạo Phật mà giải-thích bằng những việc hiện thực của xã-hội ngày nay, thính-giả đều lấy làm hoan-hỉ lắm.

Làng Cồ am là một danh hương ở nam-bộ Hải dương. Ngạn có câu : « Đông Cồ am, Nam Hư-thiền », là xứ đông có làng Cồ am, xứ nam có làng Hư-thiền, là hai nơi văn-vật và trù-thịnh từ xưa. Vậy chắc các bậc đàn anh trong hạt Cồ-am sẽ vì nền văn-hóa của quê hương mà hoan-hỉ cùng lo bồi đắp, chi-hội Phật giáo Cồ-am sẽ có cơ hưng-thịnh vô cùng Ban Trung-ương hội Phật-giáo lấy làm mừng cho chi-hội Cồ-am.

Hộp Tho

Các vị đã trả tiền bằng Mandat như sau này :

M.M. Pháp-Hoa	à	Gocong	Mandat	1\$00
Ngô-xuân-Cúc		Hanam	--	1.60
Phạm-hữu-Muôn		Tra Vinh	--	2.00
Nguyễn văn-Niết		Thái Nguyên	timbres-poste	1.00
Phạm-văn-Chữ,		Nguyễn-hiếu-Củ,	Nguyễn-công-	
Bôn,		Nguyễn-duy-Nhuễn,	Nguyễn-trọng-Minh,	Nguyễn-
thị-Luân			Mandat	6\$00

Do ông Phó Thư-ký chi hội Thụy-Anh gửi lên.

TIN CÁC HỘI-VIÊN QUÁ-CỔ

CHI HỘI BÌNH-GIANG - HAI DƯƠNG

Lê - văn - Trọng, hưởng thọ 69 tuổi, làng Hoạch-trạch, mất ngày 13 Novembre 1935.

Lưu - thị - Mơ hiệu Diệu-mai, hưởng thọ 76 tuổi, làng Hoạch-trạch, mất ngày 11 Décembre 1935.

Trần - thị - Hợp, hưởng thọ 70 tuổi, làng Kê-gián, mất ngày 31 Janvier 1936.

Lê - thị - Ngô, trụ trì, hưởng thọ 58 tuổi, làng Trinh-nữ, mất ngày 28 Mai 1936.

Vũ - thị - Nghiên, trụ trì, 58 tuổi, hiệu Đức-Lợi, N° 43 Rue du Commerce, Kesat, mất ngày 28 Mai 1936.

Lê - văn - Phương, N° 56 Rue Auvergue, Haidương, quá cố ngày 30 Octobre 1936.

Imp. ĐUỐC-TUỆ

Quản-ly CUNG-BÌNH-BÍNH